

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 101

I. Phần I: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Thí sinh chọn một phương án đúng nhất) Câu

1. Cho chương trình sau:

```
A = [12, 14, 35, 46, 78, 12, 5, 23, 1]
A.remove(5)
print(A)
```

Chương trình trên in ra màn hình kết quả là:

- A. [12, 14, 35, 46, 78, 12, 23, 1]. B. [12, 14, 35, 46, 78, 5, 23, 1].
C. [12, 14, 35, 46, 78, 23, 1]. D. [12, 14, 35, 46, 12, 5, 23, 1].

Câu 2. Lệnh dùng để tính độ dài của danh sách là:

- A. len(). B. range(). C. clear(). D. del().

Câu 3. Kết quả in ra màn hình có bao nhiêu chữ A xuất hiện?

```
1 for b in range(5):
2     print("A")
```

- A. 5. B. 6. C. 4. D. 1.

Câu 4. Phương án nào sau đây nêu đúng cú pháp câu lệnh rẽ nhánh dạng thiếu if?

- A. if<điều kiện>
 <khối lệnh>
else
 <khối lệnh 2>
B. if<điều kiện>
 <khối lệnh>
else:
 <khối lệnh 2>
C. if<điều kiện>:
 <khối lệnh>
else:
 <khối lệnh 2>
D. if<điều kiện>:
 <khối lệnh>

Câu 5. Chọn cú pháp đúng của lệnh while trong Python?

- A. While <điều kiện>:
 <khối lệnh>
B. While <điều kiện>;
 <khối lệnh>
C. While <khối lệnh>:
 <điều kiện>
D. Wile <điều kiện> do
 <câu lệnh>

Câu 6. Xâu rỗng được định nghĩa là:

- A. empty = 0. B. empty = []. C. empty = "rỗng". D. empty = "".

Câu 7. Có mấy dạng câu lệnh rẽ nhánh trong Python?

- A. 2 B. 1 C. 3 D. 4

Câu 8. Kết quả của các dòng lệnh sau là:

```
B = [1, 4, 2, 7, 4, 10, 3]
4 in B
```

- A. False. B. None. C. True. D. Error.

Câu 9. Lệnh viết đúng cú pháp là:

- A. for i in range(10)
C. for i range(10)
B. for in range(10):
D. for i in range(10):

Câu 10. Để xóa nhanh danh sách ta dùng lệnh?

- A. append(). B. remove(). C. del(). D. clear().

Câu 11. Công việc lặp với số lần biết trước là:

- A. tính tổng các số có một chữ số.
- C. đếm số học sinh trong lớp.

- B. chạy 5 phút quanh sân trường.
- D. chào các học sinh đi ngang qua.

Câu 12. Cho đoạn chương trình sau:

ts= "Hoc tin cùng chúng tớ"

print(ts[5])

Phương án nào sau đây là kết quả của chương trình trên?

- A. n.
- B. i.
- C. t.
- D. c.

Câu 13. Câu lệnh lặp While trong Python là?

Mã đề 101 |

Trang 1/2

- A. Lệnh lặp vô hạn.
- B. Lệnh lặp với số lần không biết trước.
- C. Lệnh lặp với số lần biết trước.
- D. Lệnh rẽ nhánh.

Câu 14. Có thể truy cập từng phần tử của danh sách thông qua?

- A. tên gọi.
- B. chỉ số.
- C. giá trị số.
- D. số dương.

Câu 15. Phương án nào sau đây nêu đúng vùng giá trị của lệnh range(10)?

- A. 1 đến 9.
- B. 0 đến 10.
- C. 1 đến 10.
- D. 0 đến 9.

Câu 16. Cú pháp đầy đủ của lệnh find() là:

- A. <xâu mẹ>.find(<xâu con>,start).
- B. <xâu mẹ>:find(<xâu con>).
- C. <xâu mẹ>.find(<xâu con>).
- D. <xâu mẹ>:find(<xâu con>,start).

Câu 17. Để tách xâu s thành danh sách các từ ta viết:

- A. s. find ()
- B. s. upper
- C. s. split()
- D. “ ”. join(s)

Câu 18. Cho xâu B như sau:

B = "Tin học 10 Kết nối tri thức"

Kết quả khi thực hiện lệnh B.split() là:

- A. 'Tin', 'học', '10', 'Kết', 'nối', 'tri', 'thức'.
- B. 'Tin', 'học', 'Kết', 'nối', 'tri', 'thức'.
- C. ['Tin', 'học', '10', 'Kết', 'nối', 'tri', 'thức'].
- D. ['Tin', 'học', 'Kết', 'nối', 'tri', 'thức']. **Câu**

19. Giá trị của biểu thức 100%4 == 0 là:

- A. 25
- B. 0
- C. False.
- D. True.

Câu 20. Cho chương trình sau.

```
1 num = 8
2 if num%2 == 0:
3     num = num / 2
4 else:
5     num = num * 5
```

Giá trị của **num** sau chương trình là:

- A. 8.
- B. 4.
- C. 20.
- D. 40.

Phần II: Trắc nghiệm đúng – sai

Câu 1. Một số ý kiến về các câu lệnh xử lý xâu như sau.

- A. Lệnh **split()** dùng để tách một xâu thành danh sách các từ.
- B. Lệnh **join()** có tác dụng tương tự lệnh **split()**.
- C. Để tìm một xâu trong một xâu khác có thể dùng **in** hoặc **find()**.
- D. Lệnh **find()** đơn tìm vị trí xâu con trong xâu mẹ, nếu không thấy thì trả về 0.

Câu 2. Cho **X = True**, **Y = False**. Một số kết quả được nêu ra như sau.

- A. X and Y = False.
- B. not Y = True.
- C. X or Y = False.
- D. not X = True.

II. Phần tự luận (3 Điểm)

Bài 1 (1 điểm): Cho đoạn chương trình sau:

```
1 s = 0
2 for i in range(3):
3     s = s + 2 * i
4 print(s)
```

- a. Biến `i` nhận các giá trị nào?
- b. Sau khi thực hiện chương trình thì giá trị của `s` bằng bao nhiêu? **Bài 2 (2 điểm):**
 - a. Viết chương trình nhập vào một dãy gồm `n` số nguyên.
 - b. Đếm và đưa ra màn hình số lượng các số chẵn trong dãy.
 - c. Đưa ra màn hình các số chẵn ở vị trí lẻ.

----- **HẾT** -----

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
000	B	D	D	B	D	D	A	D	A	B	A	D	B	C	D	B	A	D	B
101	A	A	A	D	A	D	A	C	D	D	C	B	B	B	D	A	C	C	D
102	A	C	C	A	A	B	D	B	C	D	B	A	B	A	A	C	C	D	C
103	C	A	D	A	D	D	D	D	A	A	C	B	A	A	C	A	D	D	A
104	C	B	C	D	A	D	B	A	A	A	A	A	C	C	C	B	D	C	D

20	1A	1B	1C	1D	2A	2B	2C	2D
D	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	S	S
B	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	S	S
A	Đ	S	S	Đ	Đ	S	S	Đ
C	S	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ
A	Đ	S	Đ	S	Đ	S	S	Đ

TRƯỜNG THPT BỐ HẠ	ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2024 – 2025 MÔN: TIN HỌC, LỚP 10
-------------------	---

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu hỏi		Nội dung	Điểm
Câu 1 (1 điểm)	1.a	Biến i nhận các giá trị: 0,1,2	0.5
	1.b	s=6	0.5
Câu 2 (2 điểm)	a=[] n=int(input('nhập n=')) for i in range(n): x=int(input('nhập giá trị phân tử thứ'+str(i)) a.append(x)		1
	d=0 for i in a: if i%2==0: d=d+1 print(d)		0.5
	for i in range(n): if (i%2 !=0) and (a[i]%2 ==0): print(a[i])		0.5

KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 LỚP 10

a.Ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

MÔN: TIN HỌC – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụngcao				
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Câu lệnh rẽ nhánh IF	Câu lệnh rẽ nhánh If	2		2	1ĐS					4	1ĐS	2
2	Câu lệnh FOR	Câu lệnh lặp for	2		2	1a		1b			3	1	1.5
3	Câu lệnh WHILE	Câu lệnh lặp while	2								2	1	1
4	Kiểu DL danh sách	Kiểu dữ liệu danh sách	1		1						2		0.5
		Một số lệnh làm việc với dữ liệu kiểu danh sách	2		1			2a		2b,c	3	2	2.75
5	Xâu kí tự	Xâu kí tự	1		1						2		0.5
		Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	2		1	1ĐS					3	1ĐS	1.75

Tổng		12		8	3		3		2	20	6	10
Tỉ lệ %		30		20		20		10		50	50	100

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Kí hiệu “*” hoặc “**” bên cạnh các số biểu thị câu hỏi được thiết kế là câu hỏi tự luận

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2
MÔN: TIN HỌC, LỚP 10– THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Câu lệnh rẽ nhánh IF	Nhận biết:- Biết được có 2 dạng câu lệnh điều kiện trong Python -Trình bày được cách viết câu lệnh rẽ nhánh dạng thiếu. Biết được sau điều kiện là dấu: sau đó xuống dòng viết khối lệnh và khối lệnh cần viết thụt vào 1 tab (hoặc 4 dấu cách). Thông hiểu:- Hiểu hoạt động của câu lệnh rẽ nhánh đầy đủ qua đoạn chương trình cụ thể. - Trình bày được các phép toán với kiểu dữ liệu logic	2TN 2 ý ĐS	2TN 2 ý ĐS		
2	Câu lệnh FOR	Nhận biết:- Biết ý nghĩa của hàm range() là tạo một vùng giá trị gồm n số từ 0 đến n-1 - Nhận biết được cú pháp câu lệnh For Thông hiểu:- Hiểu được hoạt động lệnh for, hàm range() qua ví dụ thực tế đọc hiểu chương trình	3TN TL 1 ý	1TN TL 1 ý		
3	Câu lệnh WHILE	Nhận biết:- Biết lệnh while trong Python dùng khi cần diễn tả lệnh lặp với số lần chưa biết trước. - Nhận biết được cú pháp đúng của câu lệnh while	2TN			
4	Kiểu dữ liệu danh sách	Nhận biết:- Biết một số hàm làm việc với danh sách. Thông hiểu:- Dùng toán tử in để kiểm tra một phần tử có trong danh sách hay không. Vận dụng:- Thực hiện được phương thức đơn giản trên dữ liệu kiểu danh sách: + Nhập danh sách. + Đếm số lượng các phần tử trong danh sách thỏa mãn điều kiện cho trước. + Đưa ra các phần tử trong danh sách theo yêu cầu.	1TN	1TN	2TL	1TL

5	Một số lệnh làm việc với dữ liệu kiểu danh sách	Nhận biết:- Biết một số lệnh thường dùng với danh sách Thông hiểu:- Hiểu rõ các phương thức xóa phần tử trong danh sách	2TN	1TN		
6	Xâu kí tự	Nhận biết:- Nhận diện được chuỗi, chuỗi rỗng Thông hiểu:- Hiểu cách đánh chỉ số và truy cập được vào các phần tử của chuỗi qua chỉ số	1	1		
7	Một số lệnh làm việc với chuỗi kí tự	Nhận biết:- -Biết cú pháp câu lệnh split(), join() Thông hiểu:- - Hiểu rõ cách sử dụng câu lệnh tách chuỗi và nối danh sách	2 2 ý ĐS	1 2 ý ĐS		